

Số: 0426/TTNL-HC

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hùng Cường công khai thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÙNG CƯỜNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101890542 đăng ý lần đầu ngày 07/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/05/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Thanh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8810907

Email: hungcuonghci@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH

Phòng thí nghiệm vật liệu công trình LAS-XD24.058, tiền thân là phòng thí nghiệm vật liệu công trình LAS-XD873 được thành lập ngày 24 tháng 12 năm 2009 trực thuộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hùng Cường.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Thanh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8810907

Email: hungcuonghci@gmail.com

3. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

3.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (theo Phụ lục I đính kèm).

3.2. Danh mục thiết bị, dụng cụ chủ yếu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (theo Phụ lục II đính kèm).

3.3. Danh sách Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố (theo Phụ lục III đính kèm).

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hùng Cường chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của nội dung công bố; Cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục chỉ tiêu thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, Phòng TN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HÙNG CƯỜNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Kim Hùng

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.058**

(Kèm theo công bố số 0426/TTNL-HC ngày 01/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hùng Cường)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU	
1	Xác định Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2: 06
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-4, 9: 06
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc	TCVN 7572-5: 06
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng; độ ẩm	TCVN 7572-6, 7: 06
5	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06
6	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 06
7	Xđ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 06
8	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TCVN 7572-12: 06
9	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 06
10	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17: 06
11	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 06
12	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20: 06
13	Xác định hệ số ES	ASTM D2419

		AASHTO T176
II	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
14	Phương pháp xác định độ mịn, phần còn lại trên sàng 0.045mm, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605 :2023
15	Xác định độ ổn định thể tích, thời gian đông kết	TCVN 6017: 15 TCVN 8875: 12
16	Xác định hàm lượng khí trong vữa	TCVN 8876: 12
17	Xác định cường độ bền nén, bền uốn	TCVN 6016: 11
III	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
18	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 09
19	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 09
20	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 09
21	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09
22	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 09
IV	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÔNG NUNG	
23	Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan; độ bền nén; độ hút nước, độ thấm nước.	TCVN 6477: 16
V	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
24	Xác định kích thước; màu sắc ngoại quan; độ bền nén; độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476: 1999
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẸ - BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP	
25	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; khối lượng riêng	TCVN 7959: 17
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZO	
26	Kích thước ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744: 13
VIII	THỬ NGHIỆM BENTONITE, POLYMER	
27	Bentonite: Xác định hàm lượng cát; tỷ lệ keo; lượng tách nước; độ dày áo sét; lực cắt tĩnh; tính ổn định; độ pH; KL riêng; độ nhớt	TCVN 11893: 17

28	Bentonite Polymer: Xác định hàm lượng cát; tỷ lệ keo; lượng tách nước; độ dày áo sét; độ pH; KL riêng; độ nhớt	TCVN 13068: 20
IX	BÊ TÔNG VÀ VỮA	
29	Bê tông- Phương pháp thử độ sụt, độ chảy xòe	TCVN 3106:22
30	Bê tông- Xác định KLTT hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 93
31	Bê tông- Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111: 22
32	Bê tông- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 22
33	Bê tông- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22
34	Bê tông- Xác định khối lượng thể tích bê tông đóng rắn	TCVN 3115: 22
35	Bê tông- Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 22
36	Bê tông- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 22
37	Bê tông- Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119: 22
38	Vữa: Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1: 22
39	Vữa: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2: 22
40	Vữa: Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 22
41	Vữa: Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 22
42	Vữa: Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8: 22
43	Vữa: Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 22
44	Vữa: Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 22
45	Vữa: Xác định cường độ uốn và nén của vữa đóng rắn	TCVN 3121-11: 22
46	Vữa: Xác định cường độ bám dính của vữa đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12: 22
X	KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
47	Thí nghiệm thử kéo	TCVN 197: 14
48	Thí nghiệm thử uốn	TCVN 198: 08
49	Kiểm tra không phá hủy, siêu âm mối hàn	TCVN 6735: 18
50	Thử nghiệm kéo, uốn mối hàn	TCVN 5403: 10 TCVN 5401: 10
51	Thử nghiệm bu lông: độ bền kéo, uốn, độ dẫn dài	TCVN 1916: 95
52	Thử kéo cốt thép bê tông - mối nối bằng ống ren	TCVN 8163 :09

XI	THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG	
53	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối không tan	TCVN 4560: 88
54	Xác định độ PH	TCVN 6492: 11
55	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl-)	TCVN 6194: 96
56	Xác định hàm lượng ion Sunphat (SO4-)	TCVN 6200: 96
57	Xác định màu sắc nước bằng mắt thường	TCVN 6185: 08
XII	THỬ NGHIỆM ĐẤT, CÁT, ĐÁ, SỎI TRONG PHÒNG, HIỆN TRƯỜNG	
58	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 12
59	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 12
60	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 12
61	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 14
62	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 95
63	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 12
64	Đảm nén đất đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201: 12 22TCN 333: 06 TCVN 12790 :2020
65	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202: 12
66	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12
67	Xác định đặc trưng tan rã, trương nở của đất	TCVN 8718: 12 TCVN 8719: 12
68	Xác định sức chịu tải CBR trong phòng và hiện trường	22TCN 332: 06 TCVN 8821: 12 TCVN 12792: 20
69	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726: 12
70	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728: 12
71	Xác định độ chặt sau đảm nén tại hiện trường	TCVN 8730: 12
72	Gia cố nền đất yếu bằng trụ đất xi măng	TCVN 9403: 12
73	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng chất dính	TCVN 8862: 11

XIII	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
74	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt bằng phễu rót cát	22TCN 346: 06 TCVN 8729: 12 AASHTO T191
75	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt PP dao đai	22TCN 02: 71 TCVN 12791: 20 TCVN 8729 :12
76	Xác định mô đun đàn hồi đất nền và áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11 TCVN 9354:12
77	Xác định cường độ của bê tông bằng siêu âm	TCVN 13536: 22
78	Thí nghiệm biến dạng nhỏ PIT	TCVN 9397: 12
79	Thí nghiệm biến dạng lớn PDA	TCVN 11321:16
80	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 12
81	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864: 11
82	Xác định độ nhám mặt đường bằng rắc cát	TCVN 8866: 11
83	Xác định mô đun đàn hồi E bằng cân Benkelman	TCVN 8867: 11
84	Thử nghiệm hệ thống nối đất, chống sét	TCVN 9385: 12 ; TCVN 4756: 89
XIV	THỬ NGHIỆM BITUM	
85	Xác định độ kim lún	TCVN 7495: 05
86	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496: 05
87	Xác định nhiệt độ hóa mềm (pp vòng và bi)	TCVN 7497: 05
88	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng Cleveland	TCVN 7498: 05
89	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05
90	Xác định lượng hòa tan trong trichloroethylene	TCVN 7500:05
91	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05
92	Xác định độ nhớt động lực học	TCVN 7502:05
93	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
XV	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
94	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2: 11

95	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3: 11
96	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4: 11
97	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5: 11
98	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6: 11
99	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7: 11
100	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8: 11
101	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8817-9: 11
102	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10: 11
103	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11: 11
104	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12: 11
105	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13: 11
106	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14: 11
107	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15: 11
XVI	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG BÊ TÔNG NHỰA	
108	Thành phần hạt, mất khi nung; khối lượng riêng; hàm lượng nước; độ trương nở thể tích của bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; độ ẩm, hệ số thích nước của bột khoáng	22 TCN 58: 84 TCVN 12884: 20
XVII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
109	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
110	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN 8860-2:11
111	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
112	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
113	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
114	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 11
115	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7: 11
116	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8: 11
117	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 11
118	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 11

119	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 11
120	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12: 11

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ DỤNG CỤ ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

(Kèm theo công bố số 0426/TTNL-HC ngày 01/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hùng Cường)

STT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Năm Kiểm tra	Tình trạng	Ghi chú
1	Máy kéo uốn vạm năng	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
2	Máy nén bê tông	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
3	Đồng hồ đo biến dạng	T. Quốc	2	2024	Còn tốt	
4	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
5	Bàn rung tạo mẫu bê tông	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
6	Dụng cụ vika	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
7	Máy thử chống thấm của bê tông	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
8	Súng bắn bê tông	Thụy Sĩ	1	2024	Còn tốt	
9	Máy siêu âm bê tông	Thụy Sĩ	1	2024	Còn tốt	
10	Máy siêu âm mối hàn	Thụy Sĩ	1	2024	Còn tốt	
11	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
12	Bình rửa bụi bùn sét	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
13	Bộ xilanh nén đập đá dăm	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
14	Phễu xác định độ xốp của cốt liệu	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
15	Côn chày đo độ hấp phụ của cốt liệu nhỏ	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
16	Phễu xác định độ xốp của cốt liệu	Việt Nam	2	2024	Còn tốt	
17	Bộ chia tư	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
18	Tủ sấy	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	

19	Bộ sàng tiêu chuẩn Việt Nam	Việt Nam	2	2024	Còn tốt	
20	Máy nén Marshall	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
21	Cối Protor tiêu chuẩn	Việt Nam	2	2024	Còn tốt	
22	Cối Protor cải tiến	Việt Nam	3	2024	Còn tốt	
23	Máy nén CBR	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
24	Máy cắt phẳng	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
25	Máy nén tam liên	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
26	Casagrande xác định giới hạn chảy	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
27	Xác định hệ số thấm	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
28	Thiết bị xác định độ trương nở	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
29	Thiết bị xác định độ ẩm nhanh	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
30	Cân kỹ thuật chính xác 0.01g	Nhật Bản	1	2024	Còn tốt	
31	Cân kỹ thuật chính xác 30kg; 1g	Mỹ	1	2024	Còn tốt	
32	Máy khoan	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
33	Thiết bị kim lún nhựa	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
34	Thiết bị hoá mềm nhựa	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
35	Thiết bị bốc cháy nhựa	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
36	Lò nung 100°C ÷ 1200°C	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
37	Tủ sấy 300°C	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
38	Bộ chày đầm Marshall bằng tay	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
39	Thiết bị lượng tổn thất khi nung của nhựa	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	

40	Thùng bảo ôn nhiệt	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
41	Máy ly tâm tách chiết nhựa	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
42	Nhiệt kế kim loại 300°C	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
43	Máy dẫn dài nhựa	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
44	Máy bơm chân không	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
45	Bình chân không	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
46	Thuốc kẹp	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
47	Phễu rót cát	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
48	Dao vòng thử độ chặt	Việt Nam	2	2024	Còn tốt	
49	Máy siêu âm kiểm tra đường kính cốt thép	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
50	Cần BENKEMAN	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
51	Tấm ép tĩnh	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
52	Kích thủy lực 200T	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
53	Kích thủy lực 32 tấn	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
54	Máy đo điện trở	Nhật bản	1	2024	Còn tốt	
55	Ổng đong các loại (1000ml, 500ml, 250ml, 100ml)	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	
56	Khay, chảo, bay các loại	Việt Nam	3	2024	Còn tốt	
57	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi đồng bộ	Mỹ	1	2024	Còn tốt	
58	Bộ thiết bị thí nghiệm PDA	Việt Nam	1	2024	Còn tốt	

59	Bộ thiết bị thí nghiệm PIT	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
60	Bình tỉ trọng kế	Việt Nam	2	2024	Còn tốt	
61	Khuôn bê tông lập phương 15x15x15Cm	Việt Nam	12	2024	Còn tốt	
62	Khuôn trụ 15x30 Cm	Việt Nam	9	2024	Còn tốt	
63	Khuôn Bê tông nhựa	Việt Nam	12	2024	Còn tốt	
64	Khuôn Thấm Bê tông Các loại	Việt Nam	6	2024	Còn tốt	
65	Máy mài mòn bê tông	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
66	Máy kéo uốn vụn năng WDW -100	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	
67	Máy kiểm tra chiều dày lớp phủ	T. Quốc	1	2024	Còn tốt	

**PHỤ LỤC III: DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC THỬ
NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH**

*(Kèm theo công bố số 0426/TTNL-HC ngày 01/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây
dựng Hùng Cường)*

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Công việc được giao	Ghi chú
1	Hoàng Văn Huỳnh	Đại học GTVT	Trưởng phòng	
2	Hoàng Thị Thu Hà	Đại học công nghệ GTVT	Thí nghiệm viên	
3	Hà Văn Hương	Cao đẳng GTVT	Thí nghiệm viên	
4	Hoàng Thanh Huyền	Cao đẳng GTVT	Thí nghiệm viên	